

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**LÝ VÂN PHI**

**QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP  
TẠI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành : Tài chính và Ngân hàng**

**Mã số : 60.34.20**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN  
THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng- Năm 2011**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: TS. HUỶNH NĂM

Phản biện 1: PGS.TS. LÂM CHÍ DŨNG

Phản biện 2: TS. NGUYỄN PHÚ THÁI

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 01 tháng 7 năm 2011

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong hệ thống chính sách thuế hiện hành ở Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp là một trong những sắc thuế có vai trò rất quan trọng không chỉ trên góc độ là công cụ rất mạnh của Nhà nước trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế khuyến khích đầu tư mở rộng SXKD hợp lý, mà còn về ý nghĩa đóng góp số thu lớn cho ngân sách Nhà nước hàng năm.

Ngoài vị trí địa lý là một thành phố trung tâm của miền trung, Đà Nẵng còn là trung tâm kinh tế của đất nước. Số thu thuế TNDN trong các năm qua đạt khoảng 13% -18% trong tổng thu thuế từ DN chiếm gần 8% trong tổng thu ngân sách của Cục thuế. Đặc biệt khi Việt Nam hội nhập vào nền kinh tế thế giới thì số thu thuế nhập khẩu và dầu thô có xu hướng giảm dần, thì thuế TNDN trở thành nguồn thu quan trọng của NSNN. Tuy nhiên số thu thuế TNDN trong giai đoạn 2005 – 2009 chiếm tỷ trọng thấp so với tổng thu ngân sách. Nguyên nhân do tình trạng trốn thuế TNDN ngày càng phổ biến dưới nhiều hình thức tinh vi, khó phát hiện, số thu thuế TNDN bị thất thoát ngày càng lớn. Hơn nữa công tác quản lý thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng còn chưa theo kịp với tình hình thực tiễn, chưa bao quát hết nguồn thu.

Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế TNDN là một đòi hỏi cấp thiết, là một nhiệm vụ trọng tâm của Cục thuế Thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay. Việc đi sâu nghiên cứu công tác quản lý thuế TNDN sẽ góp phần làm lành mạnh hóa hoạt động tài chính, đầu tư và tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của chính sách thuế. Đó là lý do tôi chọn đề tài “**Quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế thành phố Đà Nẵng**” làm luận văn tốt nghiệp. Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác quản lý thuế TNDN tại Cục Thuế TP Đà Nẵng từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận về quản lý thuế TNDN trong mô hình quản lý theo chức năng.

- Nghiên cứu thực trạng quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng

- Đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Là các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến công tác quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là công tác quản lý thuế TNDN đối với các DN do Cục thuế thành phố Đà Nẵng trực tiếp quản lý trong giai đoạn 2007 – 2009.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng kết hợp với các phương pháp cụ thể như: phương pháp tổng hợp, so sánh, phương pháp phân tích thực chứng để phân tích thực trạng công tác quản lý thuế TNDN đối với các DN do Cục thuế thành phố Đà Nẵng trực tiếp quản lý.

### 5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận văn góp phần làm sáng tỏ các vấn đề lý luận cơ bản về quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNDN nói riêng trong điều kiện ngành thuế Việt Nam đang chuyển từ mô hình quản lý theo đối tượng sang mô hình quản lý theo chức năng. Luận văn phân tích thực trạng và đánh giá công tác quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng, đồng thời đưa ra những giải pháp, kiến nghị có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này.

### 6. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế TP Đà Nẵng

Chương 3: Giải pháp tăng cường quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng

## Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

### 1.1. Lý luận chung về thuế thu nhập doanh nghiệp

#### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế TNDN

### 1.1.1.1. Khái niệm về thuế TNDN

*Thu nhập* là những khoản thu dưới dạng tiền tệ hoặc hiện vật của các tổ chức hoặc cá nhân nhận được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, từ lao động, từ quyền sở hữu quyền sử dụng về tài sản, tiền vốn mà có hoặc các khoản thu nhập khác mà xã hội dành cho trong một thời kỳ nhất định thường là một năm.

*Thuế TNDN* được hầu hết các quốc gia trên thế giới sử dụng vì tính hiệu quả và khả năng bao quát nguồn thu. Mỗi nước với những đặc điểm kinh tế - chính trị - xã hội khác nhau có quan niệm và cách thức áp dụng thuế TNDN là khác nhau. Tuy nhiên, có thể đưa ra một khái niệm được pháp luật Việt Nam và nhiều nước khác thừa nhận: *Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu đánh vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh trong kỳ.*

### 1.1.1.2. Đặc điểm thuế TNDN

- Thuế TNDN là loại thuế trực thu: đối tượng nộp thuế TNDN là các DN, các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đồng thời cũng là “người chịu thuế”

- Thuế TNDN phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của các DN.

### 1.1.1.3. Vai trò của thuế TNDN trong nền kinh tế thị trường

- Thuế TNDN chiếm vị trí quan trọng trong tổng thu NSNN
- Thuế TNDN là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế
  - Điều tiết, kích thích tiết kiệm và khuyến khích đầu tư theo hướng nâng cao năng lực, hiệu quả xã hội
  - Thuế TNDN là một công cụ của Nhà nước thực hiện chính sách công bằng xã hội

## 1.1.2. Những yếu tố cơ bản về thuế Thu nhập doanh nghiệp

### 1.1.2.1. Đối tượng nộp thuế, chịu thuế TNDN

- *Đối tượng nộp thuế:* Người nộp thuế TNDN là các tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.

- *Đối tượng chịu thuế:* Là thu nhập chịu thuế (tính theo năm dương lịch hoặc năm tài chính). Bao gồm thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ kể cả thu nhập chịu thuế từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ ở nước ngoài và thu nhập chịu thuế khác.

### 1.1.2.2. Căn cứ và phương pháp tính thuế TNDN

Căn cứ để tính thuế TNDN là thu nhập tính thuế và thuế suất. Tuy nhiên trong một số trường hợp các quốc gia đều có những chính sách ưu đãi riêng.

Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước theo quy định.

- **Thu nhập chịu thuế:** Là phần thu nhập làm cơ sở đánh thuế thu nhập. Nó được xác định trên cơ sở các khoản thu nhập nhận được sau khi đã trừ một số khoản thu nhập và chi phí để tạo ra thu nhập đó. Có nhiều cách khác nhau để xác định TNCT nhưng ở hầu hết các quốc gia trên thế giới việc xác định thu nhập chịu thuế của công ty thường dựa trên hai tiêu chí: thường trú và xuất xứ.

- **Thuế suất:** Cơ cấu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được thiết kế khác nhau tùy thuộc điều kiện và chính sách kinh tế của từng nước. Việc đánh thuế TNDN có thể áp dụng thuế suất tỷ lệ cố định hoặc thuế suất tỷ lệ lũy tiến. Tuy nhiên ở một số nước người ta chỉ sử dụng một loại thuế suất tỷ lệ cố định trong đó có Việt Nam.

## 1.2. Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

### 1.2.1. Khái niệm về quản lý thuế TNDN

Quản lý thuế (hay quản trị thuế) là vấn đề đã được nhiều nhà khoa học nghiên cứu và đang có nhiều cách quan niệm khác nhau. Nhưng các quan niệm về quản lý thuế đều có các điểm chung là

- + Điều đề cập đến các nội dung của khâu hành pháp về thuế.
- + Điều đề cập đến sự tác động của chủ thể quản lý lên đối tượng bị quản lý bằng các phương thức, phương tiện nào đó nhằm đạt mục đích nhất định.

*Quản lý thuế* là hoạt động tổ chức, điều hành và giám sát của cơ quan thuế nhằm đảm bảo người nộp thuế chấp hành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

### 1.2.2. Sự cần thiết phải quản lý thuế

- Thông qua quản lý thuế giúp cho Nhà nước nắm được số lượng, tình hình SXKD của từng loại hình, lĩnh vực và từng NNT, tình hình chấp hành pháp luật thuế và những thông tin về NNT để xây dựng chính sách thuế phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế trong từng thời kỳ.

- Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, số lượng doanh nghiệp tăng lên nhanh chóng, đồng thời quy mô, hình thức, cách thức hoạt động của các doanh nghiệp cũng đa dạng, phức tạp hơn.

### **1.2.3. Mục tiêu và nguyên tắc quản lý thuế TNDN**

**1.2.3.1. Mục tiêu quản lý thuế TNDN:** Mục tiêu cơ bản nhất của quản lý thuế là làm cho pháp luật về thuế được người nộp thuế tại mỗi địa phương thực thi một cách tự giác, nghiêm túc.

**1.2.3.2. Nguyên tắc quản lý thuế TNDN:** Việc quản lý thuế phải đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.

### **1.2.4. Nội dung quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp**

#### **1.2.4.1. Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế và ấn định thuế**

Các đối tượng đăng ký thuế theo quy định của pháp luật phải thực hiện đăng ký nộp thuế TNDN với cơ quan thuế đúng thời hạn và theo mẫu hướng dẫn đăng ký thuế của cơ quan thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế cho người nộp thuế và người nộp thuế phải ghi đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế TNDN, nộp đúng thời hạn quy định và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tự tính số thuế phải nộp.

#### **1.2.4.2. Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế**

Doanh nghiệp được hoàn lại toàn bộ số thuế TNDN nộp thừa sau khi bù trừ các khoản thuế thiếu trong thời hạn quy định sau khi nộp đầy đủ hồ sơ hoàn thuế.

#### **1.2.4.3. Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt**

DN được xóa nợ tiền thuế, tiền phạt trong trường hợp bị tuyên bố phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt hoặc cá nhân được pháp luật coi là chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt còn nợ.

**1.2.4.4. Quản lý thông tin về người nộp thuế:** Thông tin về người nộp thuế là yếu tố quan trọng và quyết định trong quản lý thuế theo mô hình chức năng.

#### **1.2.4.5. Thanh tra, kiểm tra, giám sát thuế**

Thanh tra, kiểm tra là một biện pháp hữu hiệu nhằm phát hiện ngăn ngừa vi phạm, giúp người nộp thuế nhận thấy luôn có một hệ thống

giám sát hiệu quả tồn tại và kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm của họ.

#### **1.2.4.6. Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế**

Cường chế thi hành thuế không chỉ đôn đốc người nộp thuế nộp đúng, thuế đúng hạn mà còn có tác dụng lớn hơn là răn đe, ngăn ngừa nộp thuế chậm, giúp người nộp thuế, nợ thuế cách giải quyết khó khăn phát sinh.

#### **1.2.4.7. Xử lý vi phạm pháp luật về thuế**

Để đảm bảo công bằng giữa NNT, mọi tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thuế đều bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định hiện hành

#### **1.2.4.8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế**

Trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính về thuế, mọi tổ chức, cá nhân có thể bị khiếu nại, tố cáo thậm chí khởi kiện ra tòa nếu thấy lợi ích của mình hoặc của bên thứ ba bị xâm hại theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **1.2.5. Quy trình quản lý thuế TNDN**

Quản lý thuế TNDN phải tuân thủ các bước sau:

**Một là,** đăng ký thuế và cấp mã số thuế: Mọi doanh nghiệp kinh doanh đều phải đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế. Trong thời hạn nhất định sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải đăng ký thuế tại cơ quan Thuế sở tại. Khi đăng ký thuế, doanh nghiệp được cấp một mã số thuế để sử dụng trong suốt thời gian hoạt động của doanh nghiệp từ khi thành lập cho đến khi không còn hoạt động.

**Hai là,** xử lý tờ khai và chứng từ nộp thuế TNDN: Theo quy định của Luật thuế TNDN thì doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế TNDN theo quý là chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý và thời hạn khai thuế năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm, đó chính là thời hạn nộp thuế của doanh nghiệp.

**Ba là,** quản lý thu nợ thuế TNDN: Căn cứ vào tình hình nợ thuế của doanh nghiệp đến thời điểm lập kế hoạch. Cơ quan Thuế tiến hành lập kế hoạch quản lý thu nợ, phải lập sổ theo dõi tình hình nợ thuế theo từng NNT

*Bốn là*, quyết toán thuế TNDN: Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, CSKD phải nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN cho cơ quan Thuế trực tiếp quản lý.

*Năm là*, xử lý miễn, giảm thuế TNDN: Trên cơ sở quy định tại Luật thuế TNDN, đối với các CSKD thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế TNDN, cơ quan Thuế sau khi tiếp nhận hồ sơ phải thực hiện kiểm tra, đối chiếu với các quy định thực hiện miễn, giảm.

### 1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

#### 1.3.1. Các nhân tố từ các cơ quan quản lý Nhà nước

#### 1.3.2. Các nhân tố từ cơ quan Thuế

#### 1.3.3. Các nhân tố từ phía doanh nghiệp nộp thuế

## CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TP. ĐÀ NẴNG

### 2.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của thành phố, số lượng các DN trong những năm qua không ngừng tăng lên và hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng đa phần là quy mô vừa và nhỏ, chủ yếu kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu như: may mặc, điện tử, xây dựng, dịch vụ... có nhu cầu hướng dẫn, quản lý thuế khác nhau đang đặt ra cho Cục thuế yêu cầu phải thực hiện cải cách quản lý thuế, ứng dụng khoa học công nghệ mạnh mẽ hơn nữa để đáp ứng yêu cầu quản lý theo cơ chế tự khai, tự nộp.

### 2.2. Tổng quan về Cục thuế TP Đà Nẵng

#### 2.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của ngành thuế TP Đà Nẵng

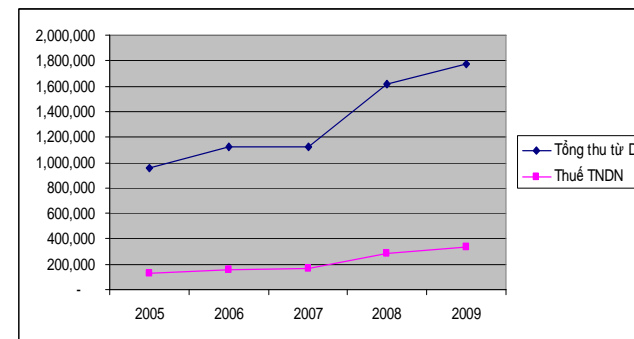
Cục thuế TP Đà Nẵng mà tiền thân là Cục thuế Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng là tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước, được thành lập ngày 01/10/1990 theo Nghị định 218/NĐ-HĐBT ngày 07/8/1990 của Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ, cùng với việc thành lập hệ thống thu thuế Nhà nước, là cơ quan chuyên môn trực thuộc Tổng cục thuế, có trụ sở tại số 08 đường Trần Phú- TP Đà Nẵng. Trong quá trình hoạt động, ngành thuế TP. Đà Nẵng đang chuyển dần từ mô hình quản lý theo đối tượng sang mô hình quản lý theo chức năng.

### 2.2.2. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Cục thuế TP Đà Nẵng

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao, đồng thời phù hợp với những thủ tục hành chính về thuế được quy định tại Luật quản lý thuế, cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục thuế TP Đà Nẵng được thay đổi theo quyết định Theo Quyết định số 49/2007/Q Đ-TTg ngày 15/6/2007 của Bộ trưởng Bộ tài chính gồm: 12 phòng và 7 Chi cục thuế trực thuộc.

### 2.2.3. Kết quả thu của Cục thuế TP Đà Nẵng từ năm 2005 – 2009

Tổng số thu NSNN không ngừng tăng nhanh qua các năm, trong đó số thu từ DN tăng lên hàng năm, đến năm 2009 số thu này là 1.772.122 triệu đồng chiếm 41,63% trên tổng số thu, thuế TNDN chiếm 7,8% trên tổng số thu của ngành thuế.



Hình 2.3: Biểu đồ thu thuế TNDN và tổng thu từ DN (2005-2009)

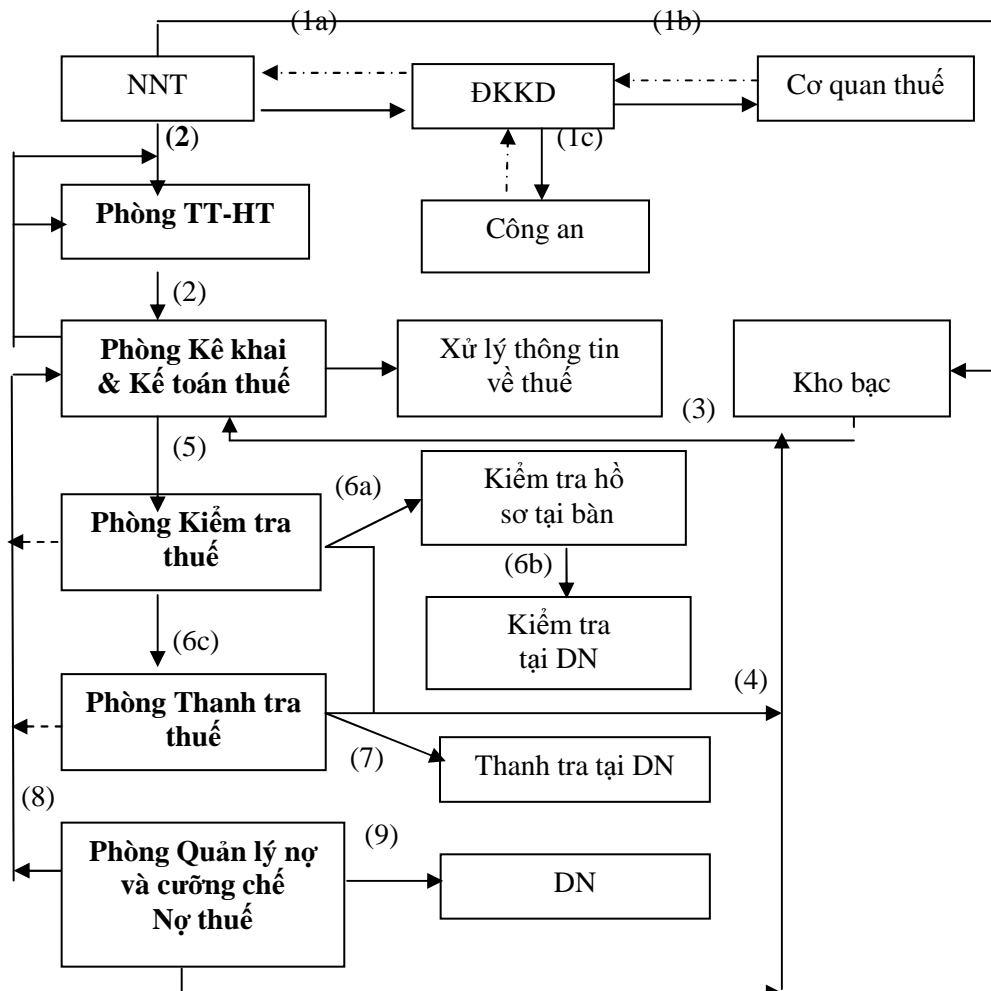
### 2.2.4. Hệ thống thông tin quản lý thuế

Quá trình quản lý thuế được thực hiện thông qua các Chương trình quản lý thuế, phần lớn thông tin về NNT thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Cục thuế đều được lưu trữ trên máy. Tuy nhiên, hệ thống thông tin quản lý thuế nhìn chung chưa đáp ứng kịp yêu cầu quản lý thuế, tập trung chủ yếu vào công việc quản lý về đăng ký thuế, cấp mã số thuế, QLN và phân tích báo cáo tài chính nhưng các phần mềm hay bị lỗi làm ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin lưu tại Cục thuế còn rời rạc, tính tự động hóa chưa cao để phục vụ cho việc truy cập, khai thác, đánh giá tính tuân thủ pháp luật thuế của NNT.

### 2.3. Thực trạng quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng

#### 2.3.1. Các bước công việc xử lý quản lý thuế tại Cục Thuế TP Đà Nẵng

Trên cơ sở quy trình quản lý thuế TNDN, công việc quản lý thuế tại Cục thuế TP. Đà Nẵng được thể hiện ở hình 2.4 với 4 chức năng cơ bản: Khai và Kế toán thuế; Kiểm tra giám sát thuế; Thanh tra thuế; Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.



Hình 2.4. : Các bước công việc xử lý quản lý thuế tại Cục thuế TP. Đà Nẵng

### 2.3.2. Thực trạng quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng

Để có được bộ máy quản lý đáp ứng yêu cầu mở rộng số DN tự khai- tự nộp, Cục thuế TP. Đà Nẵng đã giải thể hai phòng quản lý DN trước đây, thành lập mới các bộ phận quản lý chuyên sâu theo chức năng gồm: phòng tuyên truyền hỗ trợ NNT; phòng xử lý tờ khai & Kế toán thuế; phòng Thanh tra Kiểm tra; phòng Quản lý nợ và cưỡng chế thuế. Công quan Thuế của đề tài tác giả tập trung nghiên cứu công tác quản lý NNT theo 4 chức năng cơ bản trên.

#### 2.3.2.1. Tuyên truyền và hỗ trợ DN nộp thuế

Ngày 01/7/2007, Cục thuế thực hiện cơ chế “một cửa” theo mô hình chung của Tổng cục Thuế. DN nộp hồ sơ và nhận kết quả tại một nơi duy nhất là bộ phận “một cửa”.

Năm 2009 Cục thuế đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ như: tổ chức 28 lớp tập huấn, đăng tải gần 200 tin bài trên trang web. Ngoài ra, Cục Thuế còn triển khai một số phương pháp tuyên truyền mới như phối hợp với đài 1080 xây dựng hộp thư thoại số 801123 trả lời chính sách thuế tự động. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng nhìn chung công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT chỉ mới dừng lại ở một bộ phận DN nộp thuế và chỉ mang tính chất tuyên truyền, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc, chưa thực sự thâm nhập vào ý thức của các tầng lớp dân cư trong xã hội để nâng cao tính tuân thủ, tự nguyện và nâng cao trách nhiệm pháp luật về thuế của NNT.

#### 2.3.2.2. Quản lý Khai và Kế toán thuế

##### Quản lý Đăng ký thuế, cấp mã số thuế:

Việc Đăng ký thuế được thực hiện theo cơ chế "một cửa liên thông" cùng với việc Đăng ký kinh doanh và Cấp mẫu dấu đối với các DN thành lập theo Luật doanh nghiệp đảm bảo sự đồng bộ, triệt để trong cải cách hành chính đã giảm thời gian thực hiện từ hơn 30 ngày xuống còn 10 ngày, trong đó cấp mã số thuế 5 ngày.

Tuy nhiên, việc kết nối liên thông giữa cơ quan thuế- Sở Kế hoạch đầu tư và Công an mới dừng lại ở cơ chế giải quyết, chưa có sự tích hợp, trao đổi thông tin, số liệu vẫn phải nhập nhiều lần, hồ sơ vẫn luân chuyển thủ công, tốn nhiều thời gian và công sức. Mặt khác, dữ liệu thông tin đăng ký thuế chưa được sử dụng nhiều để liên kết với các thông tin quản lý thuế khác

## ❖ Quản lý khai thuế

Doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai và nộp tờ khai thuế TNDN cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý và thời hạn khai thuế năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm. Trường hợp DN không nộp tờ khai thuế TNDN thì Phòng KK&KTT tiến hành phạt hành chính đối với hành vi chậm nộp hoặc không nộp tờ khai thuế theo quy định, lập danh sách ấn định thuế và thông báo cho DN.

Cục Thuế đang áp dụng công nghệ mã vạch 2 chiều hỗ trợ nhằm xử lý thông tin hồ sơ khai thuế hàng tháng, quý của doanh nghiệp được chính xác. Trung bình mỗi tháng việc kê khai qua hệ thống thông tin về thuế khoảng 90% số lượng tờ khai (bình quân mỗi tháng gần 3.000 tờ), công việc rất nhiều nhưng bộ phận quét mã vạch chỉ có 2 người, trong khi phần mềm mã vạch hay bị lỗi, có khi quét vào một loạt nhưng mở máy lại chẳng thấy tờ khai đâu. Một phần do tâm lý chờ đợi đến hạn cuối cùng mới nộp tờ khai nên công việc của bộ phận một cửa bị quá tải từ ngày 17 đến 20 hàng tháng.

Thực hiện thí điểm kê khai nộp thuế qua mạng bắt đầu từ tháng 11/2009 đối với 120 DN do Cục quản lý và đã mang lại kết quả tương đối tốt, tạo điều kiện giảm nhiều thời gian và chi phí, được các DN đồng tình ủng hộ.

### 2.3.2.3. Quản lý nợ và cưỡng chế thuế TNDN

## ❖ Quản lý nợ thuế:

Quản lý nợ là khâu được ưu tiên sau kiểm tra thuế nhưng quản lý nợ là nhằm mục đích tăng thu, thực hiện hoàn thành dự toán, mặt khác nhiệm vụ đôn đốc thu nợ của Bộ phận quản lý thu nợ và thực hiện dự toán của Bộ phận kiểm tra không có ranh giới rõ ràng, nên đưa ra chỉ tiêu giảm nợ cho bộ phận quản lý nợ chỉ là tương đối từ đó chất lượng công tác quản lý nợ thuế chưa cao. Điều này thể hiện số liệu nợ thuế của Cục thuế TP Đà Nẵng tăng từ mức 2,4% trên tổng số thu năm 2007 lên mức 2,7% năm 2008 và tăng đến 4,7% vào năm 2009 và nợ chờ xử lý chiếm 45% trên tổng số nợ thuế.

**Bảng 2.4: Tình hình nợ thuế qua các năm**

*Đvt: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	2007	2008	2009
<b>I</b>	<b>Tổng số nợ thuế</b>	<b>88.859</b>	<b>128.941</b>	<b>200.278</b>
	<i>Trong đó thuế TNDN</i>	<i>13.573</i>	<i>31.118</i>	<i>24.213</i>
<b>III</b>	<b>Chia theo loại nợ</b>			
1	Nợ khó thu	14.154	21.668	32.427
2	Nợ chờ xử lý	24.630	42.553	90.866
3	Nợ có khả năng thu	50.075	64.720	76.985

*Nguồn: Cục thuế TP Đà Nẵng*

Qua số liệu ở bảng cho thấy mặc dù công tác quản lý nợ thuế đã được quan tâm nhưng nó chỉ mới dừng lại ở mức độ tập hợp số liệu nợ của các doanh nghiệp Cục thuế trực tiếp quản lý. Tổng số nợ thuế đến 31/12/2009 là 200.278 triệu đồng chiếm 12,1% trên tổng số thuế thu trong năm từ doanh nghiệp.

Trước tình trạng nợ đọng thuế kéo dài, số nợ ngày càng tăng thì quản lý thu nợ được xem là vấn đề trọng tâm trong công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp. Để quản lý thuế được chặt chẽ, tránh tình trạng nợ thuế dây dưa, kéo dài nên Cục thuế TP Đà Nẵng tiến hành các biện pháp quản lý:

- Biện pháp đốc thu:

+ Rà soát từng trường hợp nợ của từng DN còn nợ thuế tháng trước chuyển sang và nợ mới phát sinh tháng này theo nguyên nhân, tình trạng và tuổi nợ để phân loại các khoản nợ. Tiến hành cập nhật kết quả phân loại nợ vào Sổ theo dõi nợ thuế của từng người nợ thuế.

+ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định nộp thuế, cán bộ thuế tiến hành đôn đốc nộp thuế bằng hình thức gọi điện thoại hoặc phát hành Thông báo nộp thuế.

+ Sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định phải nộp mà DN nộp thuế chưa nộp, bộ phận quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế phát hành Thông báo tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp thuế

+ Trong thời gian từ ngày thứ 31 đến ngày thứ 90 kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định, mà DN vẫn chưa nộp thuế thì cơ quan thuế lập biên bản ghi nhận kết quả làm việc và cam kết nộp thuế đối với NNT

- Tiến hành kiên quyết các biện pháp theo quy định đối với các doanh nghiệp có nợ đọng như: cưỡng chế, đăng báo, trích tài khoản ngân hàng, tiến hành khởi tố...

- Phối hợp với Hải quan, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng và các tổ chức tín dụng Công an.... để thu hồi nợ

- Sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài để đăng tải thông tin các doanh nghiệp nợ chây ỳ để tạo thêm áp lực

❖ Về công tác cưỡng chế nợ thuế:

Sau khi thực hiện các biện pháp đốc thu thuế, hồ sơ nộp thuế quá thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thuế nhưng DN vẫn không nộp đủ số tiền thuế còn thiếu thì cơ quan thuế sẽ tiến hành các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định tại Điều 93 của Luật quản lý thuế. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện các biện pháp cưỡng chế, cơ quan thuế gặp nhiều khó khăn trở ngại nhất định.

**2.3.2.4. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về thuế TNDN**

❖ **Kiểm tra, kiểm soát nội bộ**

Phòng KTNB theo kế hoạch đã lập kế hoạch và kiểm tra đột xuất các dấu hiệu vi phạm do các Phòng chức năng và các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, đơn khiếu nại,... chuyển đến. Trong thời gian 3 năm từ năm 2007 đến năm 2009, Phòng KTNB của Cục thuế đã tiến hành 154 cuộc kiểm tra nội bộ, kết quả kiểm tra đã phát hiện một số cán bộ thuế không tuân thủ quy trình nghiệp vụ, nhiều trường hợp tính sai thuế TNDN gây thất thoát từ vài chục đến hàng trăm triệu đồng, chiếm dụng tiền thuế, không nộp vào kho bạc theo quy định...và đề xuất các biện pháp truy thu cho NSNN.

❖ **Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nộp thuế**

Công tác kiểm tra tại CQT được tiến hành thường xuyên từ khi thực hiện Luật quản lý thuế, đảm bảo 100% tờ khai được kiểm tra nhưng cán bộ thuế chưa khai thác hết các thông tin trên tờ khai thuế, báo cáo tài chính của DN có tại CQT để phục vụ cho công tác đánh giá, phân tích, kịp thời phát hiện các sai phạm. Thực hiện kiểm tra DN theo rủi ro phải

dựa trên hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin NNT để phân tích đánh giá, nhưng thực tế hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về NNT chưa đầy đủ và chưa xây dựng hệ thống chỉ tiêu cho việc phân tích hồ sơ khai thuế tại CQT để lựa chọn đơn vị có rủi ro cao. Từ đó việc kiểm tra hồ sơ khai thuế tại CQT chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và khả năng của từng cán bộ thuế. Trình độ của cán bộ còn nhiều hạn chế, lực lượng cán bộ làm công tác thanh tra còn quá mỏng (chỉ chiếm 14% trên tổng số công chức) so với yêu cầu quản lý thuế theo cơ chế tự khai, tự nộp.

**2.4. Đánh giá công tác quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng**

**2.4.1. Ưu điểm của công tác quản lý thuế TNDN**

Công tác quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng theo mô hình quản lý chức năng có những ưu điểm như:

- Tạo điều kiện cho DN nộp thuế nâng cao ý thức tự giác trong việc tuân thủ việc chấp hành pháp luật về thuế thông qua hình thức tự tính, tự khai, tự nộp và tự chịu trách nhiệm.

- Giúp cho các doanh nghiệp thực hiện tốt hơn công tác kế toán, chế độ hóa đơn, chứng từ, kê khai thuế, quyết toán thuế từ đó góp phần quản lý chặt chẽ thuế TNDN phát sinh.

- Phản ánh đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế, có phân công, phân cấp rõ ràng đã tạo ra cơ chế tự kiểm tra và kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các phòng.

- Do tổ chức quản lý được chuyên môn hóa nên nâng cao được tính chuyên sâu, chuyên nghiệp của tổ chức bộ máy và đội ngũ công chức thuế.

- Từng bước hiện đại hóa ngành thuế, đưa công tác tin học vào quản lý thuế, đây là nhân tố không thể thiếu trong quản lý hiện đại

- Hạn chế được tiêu cực do giảm tối đa việc tiếp xúc giữa cán bộ thuế với NNT, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiện toàn Bộ máy quản lý thuế của Cục thuế TP Đà Nẵng theo mô hình chức năng.

**2.4.2. Những tồn tại ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng**

❖ **Đối với cơ quan thuế**

- *Thứ nhất*, việc tập hợp đầy đủ thông tin về đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do mỗi phòng ban chỉ quản lý một khía cạnh hạn hẹp của



NNT. Điều này làm giảm tính thời sự của những thông tin về NNT, khi xảy ra thất thu thuế khó quy trách nhiệm cho bộ phận cụ thể nào và nhiệm vụ giữa các phòng ban còn có sự chồng chéo.

*Thứ hai*, công tác tuyên truyền hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ công về thuế cho DN được triển khai rộng rãi nhưng chưa thường xuyên, liên tục mới chỉ dừng lại ở việc tuyên truyền, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc. Các nội dung, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, công tác hỗ trợ chưa chuyên sâu và chưa phù hợp với nhu cầu của từng loại hình DN.

*Thứ ba*, công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế đã có những chuyển biến, tuy nhiên ngoài việc đôn đốc, tính và thông báo tiền phạt nộp chậm, bộ phận quản lý chưa dự tính được khả năng thanh toán nợ của NNT, chưa có sự phối hợp giữa các bộ phận trong việc quản lý nợ thuế, do đó tình trạng nợ đọng thuế kéo dài nhưng vẫn chưa có biện pháp cưỡng chế phù hợp, kịp thời.

*Thứ tư*, chưa phân nhóm đối tượng NNT để quản lý: Mô hình quản lý hiện nay vẫn chưa phân loại đối tượng nộp thuế vừa và nhỏ, tất cả các đối tượng nộp thuế đều phải thực hiện các quy trình quản lý giống nhau, tuy nhiên các doanh nghiệp có quy mô khác nhau thì sẽ có độ rủi ro cũng như cách hoạt động khác nhau. Vì vậy để quản lý thuế hiệu quả, tránh thất thu cho ngân sách nhà nước đòi hỏi cách quản lý phải tùy theo quy mô hoạt động của từng doanh nghiệp.

*Thứ năm*, việc ứng dụng CNTT trong QLT còn ở mức thấp mới chỉ tập trung chủ yếu vào việc đăng ký thuế, cấp mã số thuế, xử lý tờ khai và chứng từ nộp thuế, quản lý ấn chỉ, QLN và phân tích báo cáo tài chính nhưng các phần mềm hay bị lỗi làm ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế. Hệ thống thông tin về NNT còn rời rạc, tính tự động hóa chưa cao để phục vụ cho việc truy cập, khai thác, đánh giá tính tuân thủ pháp luật thuế của NNT.

*Thứ sáu*, về trình độ cán bộ quản lý thuế: Đội ngũ cán bộ thuế vừa thiếu vừa yếu do thiếu tính chuyên nghiệp, cơ cấu nhân sự tại một số bộ phận chưa bố trí hợp lý.

Thực hiện quản lý thuế theo mô hình chức năng là phù hợp với xu hướng phát triển, trong đó kết quả chất lượng quản lý là kết quả của hệ thống chức năng, hoạt động của khâu trước phục vụ công việc tiếp theo của khâu sau. Nhưng hiện nay, cơ chế để nối kết các chức năng còn

hiều bất cập, thậm chí không ăn khớp, việc quản lý còn dàn trải, phương thức quản lý áp dụng cho các đối tượng NNT là như nhau nên đem lại hiệu quả không cao.

#### **❖ Đối với doanh nghiệp nộp thuế**

- Trình độ hiểu biết về thuế ý thức chấp hành các luật, pháp lệnh về thuế của các DN còn nhiều hạn chế

- Tình trạng trốn thuế, lậu thuế, gian lận về thuế, nợ đọng thuế còn diễn ra ở nhiều khoản thu, sắc thuế.

- Các hành vi trốn thuế, lách thuế TNDN thông qua việc hạch toán kế toán xảy ra ở tất cả các mọi ngành nghề kinh doanh mà thường ở loại hình DN ngoài quốc doanh đang trở nên phổ biến.

#### **❖ Bên cạnh đó tác động của cơ chế chính sách cũng ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế:**

- Việc thay đổi liên tục các quy định về chính sách thuế phần nào gây tác động lớn đến hoạt động SXKD của các DN gián tiếp làm ảnh hưởng đến số thu của ngân sách.

- Việc ban hành các quy trình theo Luật QLT còn chậm, chưa sát thực tế, gây khó khăn khi thực hiện.

- Chưa có quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức làm việc ở các bộ phận chức năng

- Một số quy định của Luật tạo điều kiện thuận lợi cho NNT nhưng lại gây nhiều khó khăn cho cơ quan thuế thực thi nhiệm vụ.

- Các giải pháp quản lý kinh tế xã hội chưa được cải cách đồng bộ để hỗ trợ cho công tác quản lý thuế

## **CHƯƠNG 3**

### **GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CỤC THUẾ TP ĐÀ NẴNG**

#### **3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng**

Xu hướng hội nhập kinh tế và gia nhập WTO của Việt Nam đã thay đổi môi trường quản lý. Để đáp ứng yêu cầu quản lý và thực hiện thành công mô hình quản lý thuế theo chức năng phải tăng cường công tác quản lý thuế TNDN.

## **3.2. Mục tiêu và phương hướng hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng**

### **3.2.1. Mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý thuế**

### **3.2.2. Phương hướng hoàn thiện quản lý thuế tại Cục thuế TP Đà Nẵng**

Tăng cường công tác quản lý thuế tại Cục thuế thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2010- 2013 và những năm tiếp theo cần tập trung vào các vấn đề sau: Nội dung quản lý thuế TNDN và kiện toàn bộ máy quản lý thuế sao cho đạt hiệu quả cao trong việc khai thác nguồn thu.

## **3.3. Giải pháp tăng cường quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng**

### **3.3.1. Tăng cường các hình thức tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế để nâng cao tính tuân thủ tự nguyện**

Một trong những giải pháp hữu hiệu để khắc phục tình trạng trách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế chưa cao, tình trạng trốn thuế, gian lận thuế trong kê khai chứng từ, hóa đơn,...và góp phần đảm bảo đạt và vượt thu NSNN là hoàn thiện các dịch vụ cung cấp cho DN. Để thực hiện điều này, CQT cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

- Căn cứ vào nhu cầu thiết thực của từng nhóm đối tượng để có biện pháp phổ biến giáo dục phù hợp, hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng thường xuyên hơn, với nội dung phong phú và đa dạng hơn. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn chính sách thuế miễn phí theo định kỳ nhất là đối với các DN mới thành lập

- Giáo dục pháp luật thuế trong học đường: Phối hợp với Bộ Giáo dục- Đào tạo soạn thảo giáo trình chuẩn về thuế phù hợp với yêu cầu giáo dục tuyên truyền và khả năng tiếp thu của học sinh ở từng lứa tuổi khác nhau, từ cấp tiểu học đến bậc đại học.

- Xây dựng, điều hành có hiệu quả Trung tâm hỗ trợ NNT qua điện thoại và kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách trong hệ thống tuyên truyền, hỗ trợ theo hướng chuyên sâu nghiệp vụ chuyên môn để giải đáp triệt để những vướng mắc cho DN, mỗi cán bộ làm việc tại Trung tâm tư vấn qua điện thoại sẽ có trách nhiệm trả lời về một lĩnh vực thuế cụ thể.

- Việc phát triển dịch vụ đại lý thuế sẽ tạo điều kiện cho DN tiếp cận với các dịch vụ về thuế, giúp họ tiết kiệm chi phí trong việc chấp hành, thực thi các cơ chế chính sách của Nhà nước. Dịch vụ đại lý thuế sẽ là cầu nối giữa cơ quan thuế và người nộp thuế. Đây là mô hình có lợi cho cả ngành thuế và người nộp.

### **3.3.2. Đơn giản hóa thủ tục hành chính**

Đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm loại bỏ những thủ tục hành chính rườm rà không phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho DN nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế tránh lãng phí cho xã hội, cụ thể:

- Theo quy định tại tiết a tiểu mục 3.3.3. mục 3 điểm II phần B QĐ 477 quy định “trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định nộp thuế theo từng sắc thuế, CQT tiến hành đôn đốc nộp thuế bằng cách gọi điện thoại đến từng người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền phạt” (chứ không phát hành thông báo thuế theo quy trình quản lý thu nợ thuế vì các CSKD đã chuyển sang cơ chế tự khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm). Chính vì vậy để đơn giản thủ tục hành chính nên gộp hai mẫu số 06-QTR-TN và mẫu số 07-QTR-QLN

- Đẩy mạnh công tác thu thuế qua ngân hàng: Đây là phương pháp thanh toán tiên tiến nhất, đang được áp dụng hầu hết các nước trên thế giới, theo đó một mặt Nhà nước sẽ quản lý được lượng tiền lưu thông trên thị trường, mặt khác sẽ tạo điều kiện để cơ quan thuế chống thất thu có hiệu quả. Đồng thời giúp NNT giảm chi phí về thời gian, giấy tờ, đảm bảo tính chính xác trong quá trình thu thuế vào NSNN.

### **3.3.3. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý thuế**

⇨ Xây dựng hệ thống thông tin về NNT

Hệ thống thông tin về người nộp thuế phải đầy đủ đáp ứng yêu cầu quản lý thuế bao gồm các thông tin cơ bản như: Thông tin về đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, thông tin về kế toán tài khoản thuế của người nộp thuế; thông tin kết quả sản xuất kinh doanh; thông tin về tình hình chấp hành pháp luật thuế; thông tin khác liên quan đến quá trình hoạt động, giao dịch của người nộp thuế... Bởi vậy thông tin về người nộp thuế phải thu thập, khai thác từ nhiều kênh, nhiều nguồn và bằng nhiều hình thức khác nhau như: từ người nộp thuế, từ nội bộ cơ quan quản lý thuế, các cơ quan nhà nước và từ các tổ chức, cá nhân có liên quan. Nếu có đầy đủ các thông tin cần thiết liên quan đến việc xác

định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thì việc phân tích, đánh giá phân loại đối tượng nộp thuế mới chính xác và phát hiện các vi phạm của người nộp thuế mới thuận lợi và nhanh chóng.

☞ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế trao đổi thông tin với cơ quan thuế các nước bao gồm tiếp nhận, khai thác, xử lý và cung cấp thông tin và các quy định về tính bảo mật trong trao đổi thông tin về NNT

☞ Tiếp tục hoàn thiện và tổ chức thực hiện quy chế yêu cầu cung cấp thông tin và cơ chế trao đổi thông tin với các cơ quan, ban ngành, chính quyền địa phương, công ty kiểm toán và các ngân hàng thương mại... qua mạng máy tính bao gồm: thu thập, xử lý, lưu trữ, cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế với các cơ quan đơn vị nói trên.

☞ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế

Nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh số lượng NNT gia tăng nhanh như hiện nay, Cục thuế TP Đà Nẵng nên triển khai ứng dụng CNTT ở 3 lĩnh vực:

+ Ứng dụng CNTT nội bộ ngành thuế: bao gồm ứng dụng CNTT tại CQT và ứng dụng kết nối dữ liệu giữa các CQT với nhau. Các ứng dụng hiện đang sử dụng tại CQT mới chỉ đáp ứng những yêu cầu cơ bản phục vụ công tác quản lý đăng ký MST, xử lý tờ khai, kế toán thuế và quản lý nợ thuế.

+ Ứng dụng CNTT trung gian trao đổi dữ liệu giữa ngành thuế và bên ngoài (các ban ngành liên quan). Hiện tại đang có ứng dụng trao đổi dữ liệu giữa CQT, Cục hải quan và Kho bạc Nhà nước.

+ Ứng dụng CNTT cung cấp dịch vụ thuế điện tử: Triển khai các hình thức kê khai thuế qua mạng và các dịch vụ điện tử khác của CQT nhằm hỗ trợ cho DN kê khai, nộp thuế và đơn giản hóa các thủ tục kê khai, nộp, miễn, giảm thuế.

Việc xã hội hóa công tác hỗ trợ, kê khai qua mạng là yêu cầu tất yếu: Đối với cơ quan thuế việc gửi hồ được điện tử hóa sẽ phục vụ tốt cho việc tra cứu hóa đơn, chứng từ và công tác thanh tra, kiểm tra thuế cũng như nắm được kịp thời toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế và lịch sử của NNT để từ đó, phân loại NNT, đánh giá rủi ro, xác định các tình trạng không tuân thủ...

### **3.3.4. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về thuế TNDN**

#### **3.3.4.1. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ ngành**

Để phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của quản lý theo mô hình chức năng, công tác KTNB phải thay đổi về nội dung, phạm vi và cách thức kiểm tra từ đó có chương trình cụ thể để kiểm tra việc quản lý thu thuế qua các khâu của quy trình quản lý thuế:

- Về phạm vi kiểm tra: Thực hiện trên tất cả các khâu, lĩnh vực của công tác quản lý thuế trên địa bàn trong đó tập trung vào kiểm tra việc thực hiện quy trình của các phòng chức năng ở văn phòng Cục, nơi quản lý phần lớn nguồn thu trên địa bàn.

- Nội dung kiểm tra: Bám sát nội dung quy trình, bản mô tả công việc của từng phòng chức năng, cần phân rõ trách nhiệm của từng bộ phận trong quá trình kiểm soát thuế

- Phương pháp kiểm tra: Có thể kiểm tra theo chương trình, kế hoạch hàng kỳ, kiểm tra đột xuất theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo Cục thuế.

Để nâng cao hiệu quả kiểm tra nội bộ, trong thời gian tới cần quan tâm hoàn thiện hệ thống kiểm tra nội bộ theo hai nội dung:

- Kiểm tra có tính chất trực tuyến (cấp trên kiểm tra cấp dưới).

- Kiểm tra giữa các bộ phận ngang cấp (kiểm tra chéo).

Đến nay, Cục Thuế TP Đà Nẵng mới tập trung nhiều vào hệ thống kiểm tra "trực tuyến" hơn là kiểm tra chéo giữa các bộ phận. Việc hoàn thiện hệ thống kiểm tra nội bộ nên bắt đầu từ việc hoàn thiện cơ chế phối hợp hoạt động giữa các bộ phận chức năng. Cơ chế phối hợp đó phải bao hàm cả nội dung "kiểm tra chéo" lẫn nhau.

#### **3.3.4.2. Tăng cường kiểm tra, thanh tra DN nộp thuế**

Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những vi phạm về thuế khi thực hiện theo cơ chế nộp thuế mới

☞ **Tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế**

Kiểm tra thuế TNDN tại trụ sở cơ quan quản lý thuế được thực hiện thường xuyên đối với các hồ sơ thuế nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, chứng từ trong hồ sơ thuế, kiểm tra sự tuân thủ pháp luật về thuế của NNT (Điều 77 Luật quản lý thuế). Trên cơ sở đó lập kế hoạch và quyết định có cần thiết phải kiểm tra tại DN hay không, lựa chọn hình thức kiểm tra, thanh tra hay điều tra Tùy theo từng

loại hình kinh doanh và đặc thù từng DN mà có nội dung kiểm tra cho phù hợp. Toàn bộ quá trình thanh tra, kiểm tra tại cơ quan thuế.

#### *↻ Hoàn thiện cơ chế thanh tra theo mức độ rủi ro về thuế*

Cần phải chuyển từ cơ chế thanh tra truyền thống là nhằm vào tất cả các cơ sở SXKD hiện hành sang cơ chế thanh tra, kiểm tra theo mức độ các vi phạm về thuế TNDN trên nguyên tắc có dấu hiệu vi phạm mới tiến hành thanh tra, ưu tiên thanh tra những đối tượng có rủi ro lớn. Việc chuyển đổi được thực hiện qua các nội dung sau:

+ Chuyển hoạt động thanh kiểm tra chủ yếu tiến hành tại cơ sở kinh doanh sang thanh tra, kiểm tra chủ yếu tại cơ quan thuế.

+ Tổ chức thực hiện thanh tra đối với NNT trên cơ sở phân tích rủi ro để thực hiện các chương trình thanh tra theo chuyên đề, theo nhóm đối tượng, ngành nghề trên nhiều địa bàn theo một kế hoạch thống nhất.

+ Chuyển từ việc phạm vi thanh tra chủ yếu là toàn diện sang thanh tra theo từng vấn đề; áp dụng các biện pháp thanh tra phù hợp với trình độ quản lý của NNT (thanh tra trên máy tính...).

#### **3.3.5. Dự đoán khả năng thanh toán nợ thuế để lập kế hoạch quản lý và áp dụng biện pháp thu nợ phù hợp, kịp thời**

Công chức quản lý nợ phải thường xuyên nắm tình hình nợ thuế của từng đối tượng nợ thuế do mình phụ trách, đồng thời phải tiến hành phân loại nợ theo nhóm đối tượng quản lý:

+ Nhóm thứ nhất: Bộ phận các DN có ý thức chấp hành pháp luật thuế tốt

+ Nhóm thứ hai: Bộ phận các DN kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài lâm vào tình trạng phá sản và không có khả năng trả nợ

+ Nhóm thứ ba: Các DN không có ý thức chấp hành các luật thuế, có biểu hiện chây ì nợ thuế (chủ yếu là các DN ngoài quốc doanh có số thuế nợ đọng kéo dài và không có động thái thanh toán nợ).

- Cán bộ quản lý nợ thuế phải thu thập thông tin và mở sổ theo dõi nợ thuế của từng người nợ thuế để biết được thời gian nào NNT có khả năng thanh toán nợ thuế để lên kế hoạch và áp dụng các biện pháp đốc thu phù hợp, kịp thời.

- Lên kế hoạch thu và biện pháp thu nợ cụ thể, những đối tượng có khả năng thanh toán trong thời gian 30 ngày thì đưa vào kế hoạch thu nợ tháng, những đối tượng có khả năng thanh toán trong thời gian 90

ngày thì đưa vào kế hoạch thu nợ quý, còn những đối tượng có khả năng thanh toán trên 90 ngày thì đưa vào kế hoạch thu nợ năm và chuẩn bị tiến hành các biện pháp cưỡng chế nợ thuế.

Có nhiều biện pháp để cưỡng chế thuế nhưng cần xem xét điều kiện thực tế để áp dụng sao cho phù hợp và hiệu quả và khi cưỡng chế thuế cần tranh thủ tối đa quyền lực của chính quyền địa phương.

#### **3.3.6. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý thuế theo mô hình chức năng kết hợp với quản lý thuế theo đối tượng và nâng cao chất lượng cán bộ thuế**

##### **3.3.6.1. Thực hiện quản lý thuế theo nhóm đối tượng nộp thuế**

Việc phân nhóm đối tượng nộp thuế để đưa ra chiến lược quản lý thuế chuyên sâu, phù hợp với từng nhóm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế, giảm thiểu chi phí tuân thủ cũng như phòng ngừa, hạn chế các rủi ro gây nên tình trạng gian lận, trốn thuế.

Phương pháp tiếp cận thông thường để phân nhóm đối tượng NNT là phân biệt theo quy mô thông qua việc phân chia tổng NNT thành các nhóm lớn, vừa và nhỏ (căn cứ vào doanh thu, số thuế thực nộp, giá trị tài sản, số nhân viên hoặc thậm chí số thuế nợ...) các yếu tố này không nhất thiết phải có mối tương quan hoàn hảo với nhau. Thông thường dựa vào vốn đầu tư và mức doanh thu hàng năm để phân nhóm NNT.

Các đối tượng NNT được phân nhóm thành NNT lớn, vừa và nhỏ, mỗi nhóm NNT sẽ có các đặc tính khác nhau cũng như sẽ cần một chiến lược quản lý thuế chuyên sâu khác nhau. Cơ quan thuế phải hiểu được nhu cầu, hành vi, nguyên nhân tuân thủ và không tuân thủ của người nộp thuế trên cơ sở đó xác định chiến lược hợp lý để cải thiện việc tuân thủ dưới hình thức hỗ trợ, cưỡng chế, thay đổi luật hay kết hợp các hình thức này để nhằm đạt được tỷ lệ tuân thủ cao nhất có thể trong phạm vi nguồn lực của cơ quan thuế. Sau đó cơ quan thuế có kế hoạch dài hạn đẩy mạnh các hoạt động tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân trong việc tuân thủ nhằm tối đa hoá số thuế thu được với nguồn lực có sẵn.

##### **3.3.6.2. Xác định ranh giới trách nhiệm và tăng cường phối hợp giữa các bộ phận chức năng**

- Cần xác định rõ ranh giới trách nhiệm giữa bộ phận Kế khai và Kế toán thuế với bộ phận kiểm tra thuế TNDN; giữa bộ phận kiểm tra và

Quản lý nợ thuế (Kiểm tra và QLN đều có chức năng quản lý số thu thuế, trong đó kiểm tra chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện dự toán thu, còn QLN chịu trách nhiệm về hồ sơ đơn đốc nợ thuế).

- Về hệ thống thanh tra, kiểm tra thuế: Thực hiện phương án sát nhập sẽ linh hoạt và chuyên sâu hơn, bởi phòng kiểm tra nắm sát đối tượng và có thông tin chi tiết và khá đầy đủ về NNT, trong khi phòng thanh tra lúc nào có quyết định thanh tra mới tập hợp tài liệu, do đó việc sát nhập vừa giúp quản lý tốt, vừa tiết kiệm nguồn nhân lực đang còn hạn chế như hiện nay.

### **3.3.6.3. Nâng cao chất lượng cán bộ thuế**

- Thực hiện rà soát, phân loại chất lượng, tiêu chuẩn cán bộ thuế thông qua hệ thống chấm điểm để làm căn cứ bố trí nguồn nhân lực cho phù hợp theo từng chức năng QLT. Việc xây dựng tiêu chuẩn này có thể căn cứ vào các tiêu chí về mức độ hoàn thành công việc, phong cách, thái độ phục vụ DN...

- Định kỳ hàng năm nên tổ chức thi sát hạch nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ thuế.

- Tiêu chuẩn hóa trình độ cán bộ thuế theo các vị trí làm việc và thu nhập

- Tăng cường công tác bồi dưỡng, giáo dục đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ thuế đạt chuẩn chất lượng về chuyên môn nghiệp vụ thuế, nắm vững kiến thức kế toán tài chính, thành thạo kỹ năng ngoại ngữ, tin học. Đồng thời nâng cao phẩm chất đạo đức cán bộ, công chức ngành thuế, củng cố xây dựng đội ngũ cán bộ thuế trong sạch, liêm chính.

- Xây dựng quy chế luân chuyển cán bộ đảm bảo ưu tiên cán bộ có trình độ cho các bộ phận chức năng cơ bản của quy trình quản lý thuế TNDN. Đào tạo bổ sung lực lượng cán bộ trẻ

### **3.4. Các kiến nghị nhằm tạo điều kiện thực hiện các giải pháp đề ra**

- Đối với Chính phủ và cơ quan trung ương

- Đối với Tổng cục thuế

- Đối với các cơ quan chức năng đóng trên địa bàn thành phố Đà

Nẵng

## **KẾT LUẬN**

Theo tinh thần chỉ đạo chung của Đảng và Nhà nước và thực hiện chiến lược cải cách hệ thống thuế của Tổng cục thuế, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế với mục tiêu chung: hiện đại hoá toàn diện công tác quản lý thuế cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính, bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ, áp dụng rộng rãi công nghệ thông tin để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát cho được tất cả các đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, hạn chế thất thu thuế ở mức thấp nhất, bảo đảm thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước.

Để đạt được mục tiêu trên, Ngành thuế Việt Nam nói chung và Cục thuế thành phố Đà Nẵng nói riêng phải đứng trước thách thức rất to lớn đó là yêu cầu thực hiện quản lý thuế hiệu lực, hiệu quả và nâng cao chất lượng phục vụ các nhu cầu của NNT. Trong khi đó mô hình quản lý thuế, tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất, các ứng dụng CNTT cho dịch vụ tài chính công điện tử và đội ngũ cán bộ công chức thuế còn yếu kém về trình độ, năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu của quản lý thuế hiện đại. Do đó để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, việc nâng cao hiệu quả quản lý thuế là một tất yếu khách quan.

Từ việc phân tích, đánh giá thực trạng tình hình quản lý thuế TNDN tại Cục thuế thành phố Đà Nẵng. Luận văn đã chỉ ra những nguyên nhân, hạn chế còn tồn tại trong quản lý thuế và đề xuất một số giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế TNDN tại Cục thuế TP Đà Nẵng: Hoàn thiện nội dung quản lý thuế TNDN, tổ chức bộ máy quản lý và xây dựng hệ thống thông tin quản lý và chính sách sử dụng cán bộ. Đồng thời đề xuất một số kiến nghị đối với Nhà nước, Tổng cục thuế, các cấp chính quyền địa phương liên quan đến công tác quản lý thuế TNDN nói riêng và quản lý thuế nói chung. Kết quả nghiên cứu của luận văn đang được triển khai áp dụng thực tế vào công tác quản lý thuế TNDN tại Cục thuế thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.